

„Đất Quảng Nam chưa mưa đã
thấm
Rượu hồng đào chưa nhấm đã
say”

Con người sinh ra tại Quảng Nam là thể, chất phác, mộc mạc; nhưng không thiếu tinh thần dũng cảm yêu nước, yêu quê hương. Quảng Nam đã có „Ngũ Phụng Tê Phi”. Quảng Nam đã có những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như: Phan Khôi, Bùi Giáng và Quảng Nam cũng không thiếu những nhà chí sĩ anh hùng như Ông Ích Khiêm, Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp v.v... Ngày nay ở hải ngoại người con của xứ Quảng cũng đã đóng góp phần mình không nhỏ qua diễn đàn *xuquang.com* tại Hoa Kỳ, đã giới thiệu về mọi mặt cho bà con xa gần được biết. Từ văn học nghệ thuật, cho đến nhiều hình thức khác nhau, mà trong đó đã không thiếu phần đóng góp của Giáo Sư.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2009 vừa qua Phật Giáo Đài Loan đã mất đi một Đại Sư, một trí thức Phật Giáo, một học giả rất nổi tiếng trên thế giới. Đó là Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm. Năm 1975 Ngài đã tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại Học Phật Giáo Risso (Lập Chánh) tại Tokyo, Nhật Bản. Sau đó Ngài về Đài Loan xây dựng nên Pháp Cổ Sơn và đến tuổi 80 Ngài đã nhẹ gót về Tây và Ngài đã để lại bài kệ như sau:

*Vô sự mang trung lão
Không lý hữu khóc tiếu
Bản lai một hữu ngã
Sanh tử giai khả phao.*

Tạm dịch:

*Cái già chẳng bận tâm
Không chỗ để khóc cười
Trước sau chưa có ta
Chết sống đều bỏ hết.*

Đây chính là một bài thơ, một bài kệ liễu đạo của một nhà học giả Phật Giáo. Rõ ràng là khi chết đi, cát bụi sẽ trả về cho cát bụi. Chính Ngài đã rõ lý sanh tử và chốn đi về ấy. Đó là Niết Bàn Diệu Tâm. Đó là Phật tánh, là chơn như, là như thị, là tịch tịch tràm nhiên, là vô tướng, vô cầu, vô tâm, vô phân biệt. Do vậy chẳng có gì để khóc mà cũng chẳng có gì để cười cả. Vì khóc hay cười chỉ là những sự đối đãi bình thường của cuộc đời. Nếu ai thoát ra khỏi vòng đối đãi ấy thì mới không quan tâm đến sự già và chết. Đó là chính Ngài Thánh Nghiêm đã vượt qua khỏi và

Ngài đang tự tại thông dong nơi cõi giải thoát. Vì nơi Ngài, xưa nay chưa bao giờ có sự đến đi cả. Mặc dầu Ngài đã thị hiện bằng báo thân qua lại trong cõi đời này qua 80 lần luân thú như thế.

Trước năm 1945, thời Đức Quốc Xã đang ngự trị tại Âu Châu; nhiều nhà văn, nhà cách mạng đã bỏ quê hương Đức Quốc sang tỵ nạn tại Hoa Kỳ, Canada, Úc Châu hoặc các nước khác tại Âu Châu để chống lại sự cai trị độc tài của Hitler thuở ấy. Họ đã ngồi lại với nhau và thành lập một mặt trận văn hóa để đối kháng lại. Có lần một nhà văn đã nói như thế này: „Quê hương tôi đã mất; nhưng tiếng nói không thể mất được. Đây chính là quê hương mới của tôi”. Như vậy văn hóa, ngôn ngữ vẫn là một vũ khí không kém phần quan trọng khi chúng ta không còn bám trụ tại quê hương nơi mình được sinh ra nữa; mà ngôn ngữ ấy; nền văn hóa di dân tỵ nạn ấy đã đương chuẩn bị cho một ngày về sau thời đại Hitler. Nhờ đó nước Đức mới có được một quốc gia giàu mạnh như ngày hôm nay.

Năm 1975 đã có hơn 2 triệu người bỏ nước ra đi. Vì họ không chấp nhận chế độ Cộng Sản Việt Nam trong hiện tại. Họ đã, đương và sẽ dùng ngôn ngữ Việt để dạy cho con em họ trong các ngôi chùa, các trường học chuyên khoa sở tại hay ở gia đình để nuôi dưỡng sức sống của một dân tộc khi phải tứ tán ở khắp bốn phương trời. Chính họ và những thế hệ thứ hai, thứ ba đã đương và sẽ đóng góp vào nền văn hóa sở tại cũng như thời hậu Cộng Sản tại quê hương Việt Nam mình những tư tưởng tự do không nhỏ. Sở dĩ có được như vậy là nhờ vào những sợi dây tinh thần nối kết lại với nhau. Từ quá khứ đến hiện tại và kéo dài mãi trong tương lai nữa. Trong đó sự đóng góp của Giáo Sư Vũ Kỳ về vấn đề văn hóa, văn học của nước nhà tại hải ngoại không phải là điều nhỏ, mà ta phải khẳng định rằng: Tòa nhà Văn Hóa Việt Nam tại ngoại quốc ngày nay Giáo Sư Vũ Kỳ là những viên gạch, là nền móng cơ bản nhất để xây dựng một đất nước Việt Nam không cộng sản trong tương lai.

Năm 1644 người nhà Minh bên Trung Hoa không chấp nhận chế độ của Mãn Thanh; nên đã đến Việt Nam chúng ta xin tỵ nạn. Thuở ấy Vua Lê Chúa Trịnh đang ngoài đã chưa sẵn sàng có chính sách tiếp nhận người tỵ nạn Trung Hoa. Trong

khi đó Chúa Nguyễn đang trong đã có chính sách ấy; nên người Ngũ Bang đã đến Hội An để tỵ nạn và lập nên làng Minh Hương tại đây. Bây giờ trải qua gần 400 năm lịch sử những người có cảm tình với nhà Minh thuở ấy không còn nữa; nhưng đền đài, dấu vết ấy vẫn còn đây và Hội An ngày nay là nơi du khách nước ngoài đến thăm không ít vì tính cách đặc thù của nó.

Thân phận người Việt chúng ta cũng vậy. Sau 100, 200 hay 300 năm nữa chúng ta cũng sẽ giống như những người Minh Hương đã sinh sống tại Hội An cách đây gần 400 năm trước mà thôi. Tuy nhiên chúng nhân của lịch sử vẫn còn đó qua các ngôi chùa, qua phố sá, qua nền văn hóa hải ngoại đã thành hình từ trí tuệ và sự cần mẫn của con người. Người Việt Nam tỵ nạn của chúng ta hôm nay cũng thế, chúng tôi tin rằng dẫu cho thời gian có trôi qua, không gian có thay đổi, lịch sử của một thời, vẫn là lịch sử; không có ai có thể bóp méo lịch sử được. Trong hiện tại thân phận chúng ta cũng giống như thân phận của nàng Kiều, vì:

*„Trông vời cố quốc biết đâu là
nhà”*

Thế nhưng con người Việt Nam tại ngoại quốc ngày nay đang có đầy đủ phương tiện truyền thông nhiều hơn ngày xưa gấp nhiều lần. Cũng như từ trong nước, thế hệ trẻ cũng có cái nhìn tự do, duy lý hơn; nên chúng tôi tin rằng: Sự thật bao giờ cũng là sự thật và tự do dân chủ vẫn là điều mà ai ai cũng có quyền ước muốn và quyền sống trong một đất nước như thế phải thật sự có như bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã nêu rõ.

Viết một bài hồi tưởng ngắn về Giáo Sư Vũ Kỳ để tưởng niệm một người đã có công với nền văn học của nước nhà và riêng tôi để nhớ về một người con ưu tú của quê hương xứ Quảng đã phải sống lưu vong nhiều năm tại xứ Bỉ; nhưng lúc nào cũng mong rằng: Có một ngày sẽ quang phục lại quê hương. Kính nguyện Giáo Sư sẽ an giấc ngàn thu và những gì Giáo Sư chưa làm được; những người còn lại sẽ tiếp tục lên đường dẫn thân và phục vụ.

(Viết xong vào một sáng mùa Đông tại Moss – Na Uy, trong khi tuyết vẫn còn rơi trắng xóa trên bầu trời và phủ kín trên mái chùa Tam Bảo (tháng 2 năm 2009). •